

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ QUỲNH

**MIỄN, GIẢM HÌNH PHẠT
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2020

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ QUỲNH

**MIỄN, GIẢM HÌNH PHẠT
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 9.38.01.04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Cao Thị Oanh**

HÀ NỘI, 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học. Các số liệu trong Luận án bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết quả nghiên cứu nêu trong Luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả Luận án

Trần Thị Quỳnh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	10
1.1. Tình hình nghiên cứu.....	10
1.2. Đánh giá các công trình khoa học và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	26
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN, GIẢM HÌNH PHẠT	31
2.1. Những vấn đề lý luận về miễn, giảm hình phạt trong pháp luật hình sự.....	31
2.2. Lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam về miễn, giảm hình phạt từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015	57
Chương 3: QUY ĐỊNH VỀ MIỄN, GIẢM HÌNH PHẠT TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	70
3.1. Quy định về miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015	70
3.2. Quy định về miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật Hình sự một số nước trên thế giới.....	87
Chương 4: THỰC TIỄN ÁP DỤNG, NỘI DUNG HOÀN THIỆN VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH VỀ MIỄN, GIẢM HÌNH PHẠT	110
4.1. Thực tiễn áp dụng quy định Bộ luật Hình sự Việt Nam về miễn, giảm hình phạt của Tòa án nhân dân các cấp	110
4.2. Những yêu cầu và nội dung hoàn thiện quy định về miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật Hình sự năm 2015	128
4.3. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định về miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật Hình sự năm 2015	137
KẾT LUẬN CHUNG	149
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Bộ luật Hình sự:	BLHS
Giáo sư:	GS.
Nghiên cứu sinh:	NCS.
Phó giáo sư:	PGS.
Tiến sĩ:	TS.
Tiến sĩ khoa học:	TSKH.
Tòa án nhân dân:	TAND
Trách nhiệm hình sự:	TNHS

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 4.1. Tình hình miễn hình phạt hoặc miễn TNHS của TAND các cấp giai đoạn 2010 - 2020 (Nguồn: TANDTC).....	111
Biểu đồ 4.2. Tình hình miễn hình phạt có điều kiện đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của TAND các cấp giai đoạn 2010 - 2020 (Nguồn: TANDTC)...	112

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước có mục đích không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội [66], mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Đây cũng là mục đích cơ bản của hình phạt được quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 [66]. Tuy nhiên, không phải lúc nào hình phạt cũng được đem ra để áp dụng đối với người, pháp nhân thương mại đã thực hiện hành vi phạm tội là sẽ có hiệu quả cao và đáp ứng được yêu cầu của chính sách hình sự và các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự (như: phân hóa trách nhiệm hình sự (TNHS), nhân đạo, công bằng), vì không phải mọi người, pháp nhân thương mại phạm tội đều bị áp dụng một hình phạt giống nhau dù là cùng phạm một tội danh. Do đó, bên cạnh chế định hình phạt, pháp luật hình sự cần phải có cả chế định miễn, giảm hình phạt, bởi miễn, giảm hình phạt chính là phương thức, là biện pháp để thực hiện các chính sách và nguyên tắc của luật hình sự, bảo đảm tính hiệu quả của pháp luật hình sự trong công cuộc đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

Ở Việt Nam, quy định về miễn, giảm hình phạt đã có từ lâu trong lịch sử. Từ thời đại phong kiến, miễn, giảm hình phạt đã được quy định tại các Bộ luật như Bộ luật Hồng Đức, Bộ luật Gia Long. Sau khi giành được độc lập đất nước năm 1945, vấn đề miễn, giảm hình phạt cũng đã được nhắc đến và quy định rải rác ở các văn bản pháp lý mang tính đơn lẻ như sắc lệnh, thông tư, pháp lệnh hay các báo cáo tổng kết công tác của Tòa án nhân dân (TAND) tối cao. Sau này, khi pháp điển hóa luật hình sự, chế định miễn, giảm hình phạt đã được ghi nhận chính thức trong BLHS năm 1985 và tiếp tục được quy định tại BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với xu hướng ngày càng hoàn thiện và mở rộng hơn về đối tượng miễn, giảm hình phạt. Như vậy, lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam đã ghi nhận miễn, giảm hình phạt là một quyết định đặc biệt của Tòa án có tính nhân đạo sâu sắc trong quá trình xét xử. Việc Tòa án quyết định miễn, giảm hình phạt cho người, pháp nhân thương mại phạm tội không có nghĩa làm giảm tính răn đe, trừng trị của pháp luật bởi Tòa án chỉ miễn hình phạt khi thấy rằng việc áp dụng hình phạt là *không cần thiết* hoặc giảm hình phạt khi

thấy rằng mức hình phạt giảm là đã đủ sức trừng trị, giáo dục và phòng ngừa. Hơn nữa, việc miễn, giảm hình phạt vừa thể hiện chính sách nhân đạo, vừa có ý nghĩa tiết kiệm các chi phí để thực thi biện pháp cưỡng chế, thúc đẩy tính thiện, động viên, khuyến khích người, pháp nhân thương mại chứng tỏ khả năng tự giáo dục, tự cải tạo, tạo điều kiện cho họ sớm tái hòa nhập với cộng đồng, trở thành người có ích cho gia đình và cho xã hội và thúc đẩy ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật của pháp nhân. Tuy nhiên, trên cả ba phương diện lý luận, lập pháp và thực tiễn xét xử, chế định về miễn, giảm hình phạt vẫn còn nhiều bất cập, cụ thể:

Thứ nhất, về phương diện *lý luận*, miễn, giảm hình phạt chưa được quan tâm nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện. Qua khảo sát tình hình nghiên cứu thì miễn, giảm hình phạt mới chỉ được đề cập đến như một khía cạnh liên quan khi nghiên cứu các chế định khác hoặc nghiên cứu chung của các công trình nghiên cứu về chính sách, nguyên tắc của luật hình sự, việc quyết định hình phạt. Ngoài ra, trong khoa học luật hình sự đã có một số công trình đề cập đến miễn hình phạt, nhưng chưa có công trình nào đề cập đến khái niệm, cơ sở, bản chất pháp lý và phân loại các trường hợp giảm hình phạt trong xét xử của Tòa án, cũng như làm sáng tỏ hậu quả pháp lý của miễn, giảm hình phạt. Đặc biệt, đến nay chưa có một công trình nào mang tính tổng thể, hệ thống và xây dựng khung lý thuyết về vấn đề miễn, giảm hình phạt và những vấn đề lý luận ở cấp độ một Luận án tiến sĩ luật học cùng một lúc về miễn, giảm hình phạt kể từ khi ban hành ba BLHS Việt Nam đến nay (các năm 1985, 1999 và 2015).

Thứ hai, về phương diện *lập pháp*, lần pháp điển hóa thứ ba luật hình sự - BLHS năm 2015 mặc dù đã có những sửa đổi, hoàn thiện quy định về miễn, giảm hình phạt, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về mặt lập pháp đối với chế định miễn, giảm hình phạt cũng như thực tiễn áp dụng. Chẳng hạn, cả ba BLHS năm 1985, BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2009 và BLHS năm 2015 vẫn chưa đưa ra được định nghĩa pháp lý của khái niệm miễn hình phạt, giảm hình phạt; miễn, giảm hình phạt; hậu quả pháp lý của pháp nhân thương mại được miễn hình phạt; các trường hợp miễn hình phạt vẫn quy định rải rác trong BLHS; chưa có sự thống nhất giữa luật nội dung (BLHS) và luật hình thức (BLTTHS) trong việc quy định về miễn hình phạt; đặc biệt quy định về miễn hình phạt vẫn còn quy định chung cùng với chế định miễn TNHS, chưa có sự phân hóa với miễn TNHS và còn mang tính chất tùy nghi lựa chọn (“có thể”), chưa có quy định về trường hợp đương nhiên được miễn hình phạt. Điều

này cũng làm hạn chế việc áp dụng chế định miễn hình phạt trong thực tiễn xét xử. Về giảm hình phạt thì chưa có quy định về phương pháp giảm nhẹ, công thức giảm nhẹ khi có tình tiết giảm nhẹ cũng như các trường hợp loại trừ việc giảm nhẹ dù có tình tiết giảm nhẹ TNHS, dẫn đến việc giảm nhẹ tùy thuộc vào ý chí chủ quan của người Thẩm phán, nên mới dẫn đến việc giảm nhẹ ở một số vụ án còn chưa đúng, chưa tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án nhân dân tối cao cũng chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp miễn, giảm hình phạt đối với người phạm tội, việc miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội và vấn đề xóa án tích; nội dung của một số tình tiết để giảm nhẹ TNHS với tư cách là điều kiện giảm hình phạt; v.v...

Thứ ba, về phương diện *thực tiễn*, trong thực tiễn áp dụng, miễn hình phạt ít được áp dụng và còn có sai sót; việc giảm hình phạt được áp dụng phổ biến, khoảng 70% vụ án có áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS để giảm hình phạt cho người phạm tội, nhưng vẫn còn nhiều vụ án áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS và giảm hình phạt còn chưa chính xác. Việc các nhà lập pháp quy định hình phạt theo khung vì không thể tính hết và quy định hết tất cả các trường hợp phạm tội khác nhau để quy định hình phạt tương ứng đối với từng trường hợp phạm tội có thể xảy ra trên thực tế đã làm tăng khả năng lựa chọn của Tòa án khi quyết định hình phạt, cũng như quyết định giảm hình phạt nhưng cũng dẫn đến không ít trường hợp giảm hình phạt còn tùy tiện do phụ thuộc nhiều vào ý chí chủ quan của Thẩm phán. Việc giảm hình phạt giống như việc “*bốc thuốc Bắc*” và Thẩm phán được ví như thầy lang, thuốc bốc chuẩn thì bệnh mới chóng khỏi, việc giảm chuẩn thì mới có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, nhưng như trên đã nêu thì việc giảm nhẹ hình phạt trên thực tiễn vẫn còn có sai sót và không thống nhất, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Vì vậy, thực tiễn đòi hỏi cần có sự nghiên cứu toàn diện để tìm ra các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định miễn, giảm hình phạt.

Những bất cập nêu trên chính là những lý do luận chứng cho việc nghiên cứu sinh (NCS.) lựa chọn đề tài “***Miễn, giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam***” làm Luận án tiến sĩ luật học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là xây dựng khung lý thuyết về miễn, giảm

hình phạt, đánh giá khách quan quy định về miễn, giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Trên cơ sở này, Luận án xác định những phương hướng, nội dung hoàn thiện và đề xuất giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định về miễn, giảm hình phạt, từ đó, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ sau đây:

1) Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài Luận án để xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong Luận án;

2) Làm rõ cơ sở của việc quy định miễn, giảm hình phạt, chỉ ra các đặc điểm cơ bản, ý nghĩa của miễn, giảm hình phạt trong pháp luật hình sự và xây dựng định nghĩa khoa học về khái niệm miễn, giảm hình phạt;

3) Hệ thống hóa lịch sử phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến khi ban hành BLHS năm 2015 quy định về miễn, giảm hình phạt để rút ra nhận xét, đánh giá;

4) Phân loại các trường hợp miễn, giảm hình phạt trong BLHS với các tiêu chí khác nhau; phân tích thực trạng quy định về miễn, giảm hình phạt trong BLHS năm 2015, đồng thời so sánh quy định tương tự về miễn, giảm hình phạt trong BLHS một số nước trên thế giới để rút ra những so sánh, chỉ ra các điểm giống và khác nhau, các quy định tiến bộ, có tính ưu việt về miễn giảm hình phạt phù hợp với Việt Nam để kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

5) Đánh giá thực tiễn áp dụng quy định của BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 về miễn, giảm hình phạt trong hoạt động xét xử của Tòa án các cấp giai đoạn 2010 - 2020 (dựa trên số liệu thực tiễn của Tòa án 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam và nghiên cứu trực tiếp, ngẫu nhiên 300 bản án sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm của một số đơn vị Tòa án), qua đó, chỉ ra các kết quả đã đạt được và những sai lầm, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng, nêu rõ các nguyên nhân cơ bản;

6) Chỉ ra những yêu cầu, phương hướng, đề xuất nội dung hoàn thiện quy định về miễn, giảm hình phạt trong BLHS năm 2015 trên phương diện *lập pháp*, đặc biệt là kiến nghị xây dựng hướng dẫn cụ thể về cách tính mức hình phạt áp dụng đối với trường hợp giảm hình phạt của Tòa án, đồng thời đưa ra các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng trên phương diện *thực tiễn*.